

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 50/2014/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định, về việc đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa và hoạt động của phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa.
- Việc quản lý cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định của Thông tư này trừ trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định căn cứ vào điều kiện thực tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác cảng, bến thủy nội địa; sử dụng phương tiện thủy nội địa, tàu biển Việt Nam, phương tiện thủy nước ngoài hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến cảng, bến thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cảng thủy nội địa là hệ thống các công trình được xây dựng để phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài neo đậu, xếp, dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác; cảng thủy nội địa có vùng đất cảng và vùng nước cảng. Cảng thủy nội địa bao gồm cảng tổng hợp, cảng hàng hóa, cảng hành khách, cảng chuyên dùng.
2. Vùng đất của cảng được giới hạn để xây dựng công trình cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, lắp đặt thiết bị và các công trình phụ trợ khác.
3. Vùng nước của cảng được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cảng, quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hạ tải, khu tránh bão.
4. Cảng tổng hợp là cảng vừa xếp dỡ hàng hóa, vừa đón trả hành khách và thực hiện các dịch vụ khác.
5. Cảng chuyên dùng là cảng thủy nội địa của tổ chức, cá nhân dùng để xếp, dỡ hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất cho chính tổ chức, cá nhân đó hoặc phục vụ đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài.
6. Bến thủy nội địa là công trình độc lập có quy mô nhỏ, gồm vùng đất và vùng nước trước bến để phương tiện thủy nội địa neo, đậu xếp dỡ hàng hóa, đón, trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác. Bến thủy nội địa gồm bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến, khách ngang sông và bến chuyên dùng.
7. Bến chuyên dùng là bến thủy nội địa của tổ chức, cá nhân dùng để xếp, dỡ hàng hóa, vật tư phục vụ sản xuất cho chính tổ chức, cá nhân đó hoặc phục vụ đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa.

8. Bến khách ngang sông là bến thủy nội địa chuyên phục vụ vận tải hành khách từ bờ bên này sang bờ bên kia.
9. Phương tiện thủy nội địa là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.
10. Tàu biển Việt Nam là tàu biển đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam hoặc từ khi được cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.
11. Phương tiện thủy nước ngoài là phương tiện thủy nội địa, tàu biển do nước ngoài cấp giấy chứng nhận đăng ký.
12. Chủ cảng, bến là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hoặc được chủ đầu tư giao quản lý cảng, bến thủy nội địa.
13. Tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến là tổ chức, cá nhân sử dụng cảng, bến thủy nội địa để kinh doanh, khai thác.
14. Vùng đón trả hoa tiêu là vùng nước được cơ quan có thẩm quyền công bố để phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển neo đậu đón, trả hoa tiêu.

Chương II

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Quy hoạch cảng, bến thủy nội địa

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch cảng thủy nội địa.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch bến thủy nội địa trong phạm vi địa bàn quản lý của tỉnh, thành phố. Đối với bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, trước khi phê duyệt quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lấy ý kiến thỏa thuận của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa

1. Việc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải tuân theo những quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng cháy, chữa cháy; bảo vệ môi trường; tuân thủ

tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, bảo đảm an toàn giao thông và các quy định khác tại Thông tư này.

2. Việc đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cảng, bến thủy nội địa đã được phê duyệt. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa chưa có trong quy hoạch hoặc có sự khác nhau so với quy hoạch, trước khi thực hiện dự án, chủ đầu tư phải báo cáo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chấp thuận.

Điều 6. Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

1. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

a) Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nằm trên địa giới của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cảng thủy nội địa có khu đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương hoặc vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên vùng nước cảng biển.

c) Sở Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

2. Hồ sơ chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa

Chủ đầu tư gửi 01 (một) bộ hồ sơ chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra và xử lý như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 (một) bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa gửi chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

d) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài
Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Cục Đường